

kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam thì không phải nộp thuế nhập khẩu.

2. Hàng hóa từ Khu Thương mại Lao Bảo nhập khẩu vào nội địa Việt Nam có xuất xứ sản xuất tại Lào được giảm thuế nhập khẩu theo quy định tại Quyết định số 181/1998/QĐ-TTg ngày 21 tháng 9 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ hoặc theo thỏa thuận giữa hai Chính phủ.”

9. Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 28. Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư vào Khu Thương mại Lao Bảo được miễn tiền thuê đất trong 11 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất và được hưởng mức giá thuê đất bằng 30% giá thuê đất áp dụng cho các huyện miền núi tỉnh Quảng Trị kể từ năm thứ 12 trở đi.”

10. Điều 30 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 30. Căn cứ số thực thu ngân sách nhà nước hàng năm tại Khu Thương mại Lao Bảo, Nhà nước đầu tư trở lại để xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Thương mại Lao Bảo theo các mức sau đây:

- Trường hợp có số thu ngân sách nhà nước dưới 50 tỷ đồng/năm thì được đầu tư trở lại 100%.

- Trường hợp có số thu ngân sách nhà nước từ 50 tỷ đồng/năm trở lên thì được đầu tư trở lại 50 tỷ đồng và 50% số thực thu còn lại.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 09/2002/QĐ-TTg ngày 11/1/2002 về việc thành lập Vụ Cải cách hành chính thuộc Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 181/CP ngày 09 tháng 11 năm 1994 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ;

Căn cứ kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ ngày 04 tháng 12 năm 2001 (Công văn số 160/TB-VPCP ngày 18 tháng 12 năm 2001 của Văn phòng Chính phủ);

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Vụ Cải cách hành chính thuộc Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ trên cơ sở Tổ Cải cách hành chính.

Điều 2. Vụ Cải cách hành chính có chức năng giúp Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ thực hiện nhiệm vụ của Ban về cải cách hành chính.

Điều 3. Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Vụ Cải cách hành chính.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHÁI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 10/2002/QĐ-TTg ngày 14/1/2002 về việc phê duyệt kết quả Chương trình điều tra đánh giá và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc thời kỳ 1996 - 2000 và triển khai thực hiện tiếp tục Chương trình thời kỳ 2001 - 2005.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 12 tháng 8 năm 1991;

Căn cứ Quyết định số 245/1998/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ Quyết định số 446/TTg ngày 21 tháng 6 năm 1997;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tờ trình số 3027/BNN-KH ngày 12 tháng 10 năm 2001), ý kiến các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 7866/BKH-NN ngày 19 tháng 11 năm 2001), Tài chính (Công văn

số 12274/TC-HCSN ngày 20 tháng 12 năm 2001), Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Công văn số 3226/BKHCNMT-NN ngày 08 tháng 11 năm 2001),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả Chương trình điều tra đánh giá và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc thời kỳ 1996 - 2000 với các nội dung sau:

1. Diện tích rừng:

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2000, cả nước có 11.314.626 ha rừng các loại, độ che phủ tương ứng là 34,4%; trong đó:

- Diện tích rừng tự nhiên 9.675.700 ha, chiếm 85,5% diện tích rừng cả nước.

- Diện tích rừng trồng 1.638.926 ha, chiếm 14,5% diện tích rừng cả nước.

2. Trữ lượng rừng.

Tổng trữ lượng gỗ cả nước là 782,0 triệu m³ trong đó:

- Rừng tự nhiên 751,5 triệu m³; chiếm 96,1%;

- Rừng trồng 30,5 triệu m³; chiếm 6,9%;

Tổng trữ lượng tre nứa cả nước là 5,3 tỷ cây.

Điều 2. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình điều tra đánh giá và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc thời kỳ 2001 - 2005, theo yêu cầu nhiệm vụ sau:

1. Đánh giá tài nguyên rừng:

a) Lập Bộ số liệu tài nguyên rừng cho toàn bộ chu kỳ (2001 - 2005).

- Bộ số liệu tài nguyên rừng hàng năm.